

# Đảng cầm quyền trong Nhà nước kiến tạo phát triển: kinh nghiệm của Nhật Bản và bài học cho Việt Nam

Đậu Công Hiệp\*

Nhận ngày 15 tháng 9 năm 2022. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 5 năm 2023.

**Tóm tắt:** Bài viết tập trung làm sáng tỏ vai trò quyết định của thể chế một đảng cầm quyền với việc hình thành mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển và kỳ tích phát triển kinh tế ở Nhật Bản. Qua đó, bài viết rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam khi chúng ta đang thử nghiệm một chính phủ kiến tạo trong điều kiện một đảng lãnh đạo. Trong đó, vấn đề quan trọng nhất là phải hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế và phát huy dân chủ; và tận dụng vai trò lãnh đạo ổn định, lâu dài của Đảng để tạo sự tập trung, thống nhất trong các chính sách kinh tế, để các chính sách này tạo được hiệu quả tăng trưởng vượt bậc như các Nhà nước kiến tạo phát triển, trong đó có Nhật Bản, đã làm được.

**Từ khóa:** Nhà nước kiến tạo phát triển, Đảng cầm quyền, Nhật Bản.

**Phân loại ngành:** Luật học

**Abstract:** This article directly clarifies the key role of one dominant party regime in the generating of the model of developmental state and the economic development miracle of Japan. Then, the article points out lessons for Vietnam in the context that we are trying a developmental government in condition of one ruling party. The most important issue is to harmonize the aim of economic development and democracy raising and take advantage of the stable leading role of the Party to make the solidarity in the economic policies to get the amazing developing effectiveness like those in the developmental state of Japan.

**Keywords:** Developmental state, Dominant party, Japan.

**Subject classification:** Jurisprudence

## 1. Mở đầu

Một trong những yếu tố đặc trưng thường được nói tới của Nhà nước kiến tạo phát triển là có một chính quyền mạnh, thậm chí chuyên chế (Chalmer Johnson, 2012: 7). Bằng một bộ máy có tính chất như vậy, Nhà nước kiến tạo phát triển có thể tập trung vào việc thiết lập và triển khai một cách thống nhất các chính sách kinh tế quan trọng của mình. Và rõ ràng, để có được một bộ máy như thế thì nhà nước phải được thiết lập dựa trên một thể chế chính trị ít có bất đồng, ổn định và tập quyền cao, với các dạng thức có thể nhắc tới như chế độ độc đảng (single-party regime), hay chế độ đảng cầm quyền (dominant-party rule) (Edward Webb, 2011: 249-257). Với một Nhà nước kiến tạo điển hình là Nhật Bản trong giai đoạn 1960-1980, việc nghiên cứu vai trò của đảng cầm quyền ở nước này trong suốt thời kỳ kinh tế bùng nổ là rất quan trọng, đặc biệt là trong việc tìm ra những bài học đối với Việt Nam, đất nước duy trì chế độ một đảng lãnh đạo đang tìm kiếm mô hình kiến tạo phát triển.

## 2. Đảng cầm quyền và Nhà nước kiến tạo ở Nhật Bản

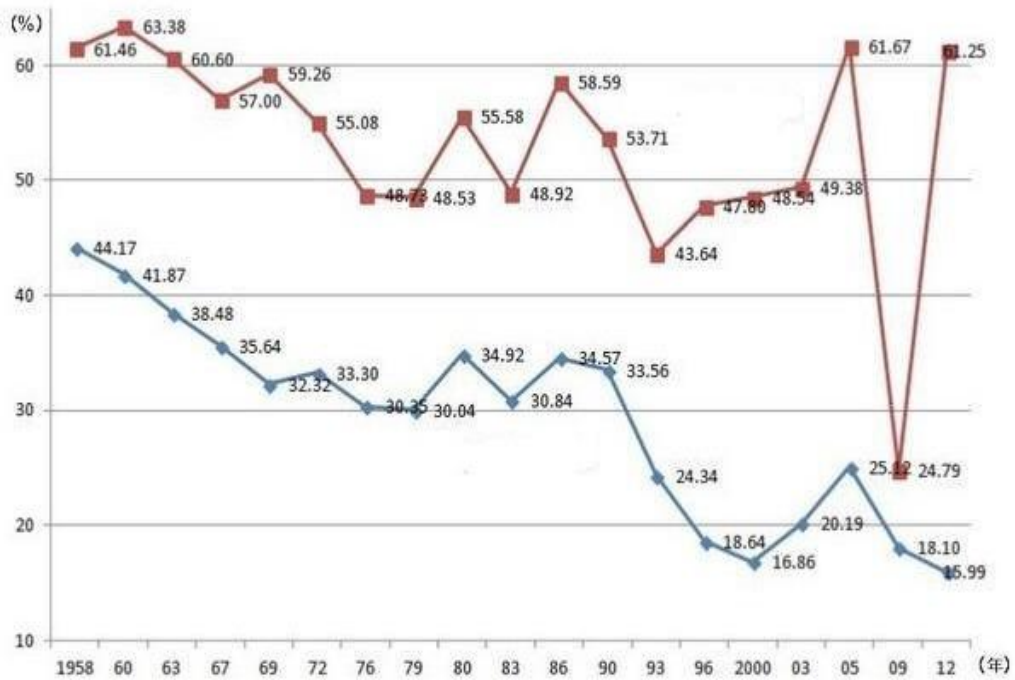
Chính trị Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ 2 có nhiều thay đổi và biến động lớn. Các đảng phái ra đời, sáp nhập và biến đổi trên nền tảng hai chính đảng lớn trước chiến tranh là Seiyukai và

---

\* Trường Đại học Luật Hà Nội.  
Email: dauconghiep@hlu.edu.vn

Minseito, đó là chưa kể các thành tố mới nổi như các Đảng Cảnh tả và Đảng Cộng sản (John W. Masland, 1947: 565-587). Tuy nhiên, giai đoạn được coi là khởi đầu của Nhà nước kiến tạo phát triển lại gắn với một chính đảng mang tính cách bảo thủ, đó là Đảng Dân chủ tự do (LDP) với đường lối bảo thủ. Một cách tổng quát, lịch sử cho thấy một thời gian lãnh đạo lâu dài của đảng này trên chính trường Nhật.

Hình 1: Tỷ lệ dân biểu Hạ viện của LDP



Nguồn: <https://www.quora.com/Why-has-the-Liberal-Democratic-Party-of-Japan-been-in-power-for-so-long>

Sơ đồ trên cho chúng ta thấy rằng, đảng này duy trì một tỷ lệ ghế (đường màu đỏ) khá cao trong Hạ viện với số phiếu bầu (đường màu xanh) tỷ lệ thuận theo. Thời kỳ nắm quyền của LDP được xác định là từ năm 1955 đến năm 1993 khi đảng này thất bại trong việc nắm đa số trong Hạ viện và buộc phải dừng bước trước lên mình Đảng Xã hội dân chủ, Đảng Phục sinh, Đảng Tiên phong, Komeito, Tân Đảng Nhật Bản, Đảng Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Liên minh xã hội dân chủ. Đó cũng là giai đoạn thoái lui của hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển. Có thể thấy, thời gian cầm quyền lâu dài của LDP đã phản ánh rõ nét một đặc trưng cơ bản trong mối quan hệ giữa Nhà nước kiến tạo phát triển với đảng cầm quyền. Ngay cả sau khi mất độc quyền lãnh đạo, đảng này vẫn là một trong những tổ chức chính trị có ảnh hưởng lớn đối với Nhật Bản và đôi khi quay lại giành lấy chính trường trong thời gian tương đối dài. Khác với các chính đảng của Mỹ vốn được tổ chức tương đối lỏng lẻo, trong hàng chục năm nắm quyền của mình, LDP đã thiết lập và xây dựng nên một bộ máy tinh vi với mục đích lãnh đạo nhà nước một cách hoàn hảo nhất. Về mặt tổ chức, cơ quan cao nhất của LDP là Đại hội Đảng, họp thường kỳ vào tháng giêng hàng năm với thẩm quyền cao nhất nhưng thực tế lại chỉ mang tính hình thức vì trước khi họp đại hội, phần lớn công việc đã được thỏa thuận sẵn. Dưới sự lãnh đạo của chủ tịch Đảng, các cơ quan có vai trò quyết định trong việc hình thành đường lối và chính sách của LDP là Hội đồng phụ trách các vấn đề chung với quyền phê chuẩn về nhân sự cũng như chính sách, Hội đồng nghiên cứu các vấn đề về chính sách

có sự tham gia của các nhà khoa học để xây dựng các chính sách và dự luật. Để lãnh đạo Nhà nước và trực tiếp là Quốc hội (đặc biệt là Hạ viện), LDP còn thường tổ chức cuộc họp toàn thể các nghị sĩ của đảng để quyết định nốt những vấn đề còn đang tranh cãi trước khi đưa ra một đề nghị thống nhất cho Hạ viện phê chuẩn. Nhìn chung, mối quan hệ giữa Nhà nước và LDP trong thời kỳ đảng này cầm quyền, và nhất là trong giai đoạn 1955-1993 được thể hiện một cách rõ ràng như sau:

*Thứ nhất*, LDP lãnh đạo toàn diện nhà nước thông qua một đội ngũ chính trị gia và những nhà kỹ trị. Như đã trình bày, thẩm quyền quyết định các vấn đề quan trọng nhất của đảng là một tập thể chính trị gia trong Hội đồng phụ trách các vấn đề chung, nhưng các chính sách được xây dựng chủ yếu bởi Hội đồng nghiên cứu các vấn đề về chính sách, nơi quy tụ cả các chuyên gia, nhà khoa học. Mối liên hệ giữa giới chính trị với giới đội ngũ thư lại tinh hoa rất đặc biệt. Sự đặc biệt không chỉ đến từ việc chiêu mộ và đãi ngộ nhân tài mà đến từ việc phân chia vai trò rõ ràng giữa họ. Trong khi giới thư lại tinh hoa được đưa vào bộ máy quan liêu (chẳng hạn như Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế - MITI hay Bộ Tài chính - MOF) có vai trò thực thi và vận hành các chính sách với mức độ tự chủ cao thì các chính trị gia đóng vai trò như một “van an toàn” nhằm bảo vệ cho đội ngũ đó tránh khỏi những ảnh hưởng chính trị không đáng có (Michio Muramatsu, Ellis S. Krauss, 1987: 225). Nhờ vậy mà các chính sách cũng như quy định của pháp luật mới được thực thi một cách hiệu quả vì không có sự chòng chẹo giữa đội ngũ chính trị và hành chính. Bên cạnh đó, đảng cầm quyền cũng là con đường tạo nên sự gắn kết công - tư, điều vốn được coi là yếu tố tạo nên thành công cho hình mẫu Nhật Bản. Sự liên kết này được giải thích bằng một chuỗi các thành tố, trong đó có cả sự tham gia của các tổ chức trung gian, vấn đề sở hữu chéo giữa các doanh nghiệp và các hình thức liên kết doanh nghiệp như cartel (William Mass, Hideaki Miyajima, 1993). Tuy nhiên, trong đó không thể bỏ qua vai trò của giới chính trị và quan chức, cụ thể, rất nhiều chính sách của nước Nhật thời kỳ này ảnh hưởng từ các cựu quan chức đã tham gia vào các hãng tư nhân sau khi nghỉ hưu (Nasir Tyabji, 1984: 84). Họ được gọi là *amakudari* (天下り), một từ có nghĩa gần như là “giáng trần” (Peter B. Evans, 1989: 574). Đây là con đường mà chính sách của nhà nước có thể thâm thấu và thi hành một cách triệt để nhất cho đến tận từng doanh nghiệp.

Nói chung, sự lãnh đạo của đảng LDP đối với Nhà nước thể hiện một số điểm nổi bật như sau: (1) Quá trình cầm quyền của LDP là sự tiếp nối và duy trì quyền lực của các lực lượng lãnh đạo trước đó. Từ trước chiến tranh, nước Nhật đã có một nền tảng kinh tế tương đối vững chắc với đội ngũ lãnh đạo hùng hậu. Việc Nhật Bản thua cuộc chỉ khiến giới quân sự bị mất quyền chứ không chấm dứt dòng chảy quyền lực khi các cựu lãnh đạo bảo thủ trước chiến tranh lại phục hồi với tư cách LDP. Đây có thể coi là cơ sở chính trị quan trọng cho sự duy trì quyền lực của đảng này; (2) Mặc dù chính nội bộ LDP cũng đối mặt với xung đột, bè phái nhưng với một mục đích và chương trình hành động chung, đảng này đã duy trì được sự ổn định để tạo nên một thành công mà rất ít đảng phái chính trị ở châu Á có thể đạt được. Bên cạnh đó sự ủng hộ của các tập đoàn kinh doanh cũng là một cơ sở vững chắc khác cho sự lãnh đạo của LDP trong nhiều chục năm.

*Thứ hai*, cần nhìn nhận tới cả mối quan hệ và tác động của các đảng đối lập đến nhà nước Nhật Bản. Với tư cách là lực lượng đối lập, dĩ nhiên các đảng này luôn lăm le chiếm lấy quyền kiểm soát nhà nước từ tay LDP. Để làm được điều đó, các đảng đối lập phải thực hiện những biện pháp và hoạt động khác nhau như:

(1) Đề ra những chính sách mà đảng cầm quyền chưa làm tốt. Một trong những xu hướng mà các đảng này thường nhắm đến là các chính sách an sinh xã hội. Việc các đảng đối lập nhấn mạnh vào những yếu tố như lương tối thiểu, trợ cấp hưu trí, trợ cấp trẻ em chính là sự tấn công vào các vấn đề xã hội mà chính quyền LDP đang mắc phải như già hóa dân số, tỷ lệ sinh thấp. Đây có thể coi là những vấn đề mang tính thời đại chứ không đơn thuần do nhà nước gây ra nhưng việc LDP không giải quyết tốt được chúng cũng là cơ hội cho các đảng đối lập chống lại.

(2) Tác động vào quá trình lập pháp. Khi số ghế trong Quốc hội của LDP giảm dần, các đảng đối lập đã liên tục gia tăng áp lực và yêu sách để LDP phải thỏa hiệp với họ. Sự thất bại của dự luật về các ngành đặc biệt, trong đó cho phép một số ngành cần tăng cường cạnh tranh quốc tế được tạo nên các liên minh thương mại đã bị phản đối do vi phạm nguyên tắc chống độc quyền là một minh chứng cho thấy sức mạnh từ các đảng đối lập đôi khi cũng khiến cho đảng cầm quyền phải xem xét lại dự tính của mình (Hồ Việt Hạnh, 2009).

Tác động của các đảng đối lập là không thể coi thường, đặc biệt là ở chỗ nó có thể tác động để làm thay đổi đường lối của nhà nước mà trước hết là đảng cầm quyền truyền thống. Một minh chứng rõ ràng là chính LDP cũng phải có những sự thay đổi để tiếp tục duy trì quyền lực. Trong Cương lĩnh chính trị năm 1985, LDP đã thể hiện một số biến chuyển về chính sách so với thời kỳ trước. Đầu tiên là ở chỗ gia tăng phúc lợi với mong muốn tạo ra một “nhà nước phúc lợi nhân dân”. Tiếp theo là ở chỗ tiến tới các mục tiêu toàn cầu và đóng góp cho cộng đồng quốc tế. Đây có thể coi là một thay đổi mang ý nghĩa từ bỏ một phần chủ nghĩa quốc gia mang nặng tính bảo hộ trong kinh tế. Điều này là dễ hiểu bởi kinh tế Nhật Bản khi đó đã đủ sức cạnh tranh cũng như không cần tới sự che chở của Nhà nước.

Tóm lại, đời sống chính trị ở Nhật Bản thể hiện một cách rõ nét những đặc trưng trong mối quan hệ giữa đảng chính trị với Nhà nước kiến tạo phát triển. Tuy diễn biến của đời sống đó không xảy ra những biến cố lớn mà chúng ta có thể thấy như ở Hàn Quốc (sẽ được đề cập tới ở phần sau), nhưng những mâu thuẫn là hết sức rõ ràng. Bản chất của Nhà nước kiến tạo phát triển là ở chỗ nó tạo ra những xu hướng trái ngược và kéo theo đó là những đấu tranh không ngớt giữa bảo hộ và cạnh tranh, phát triển và an sinh, dân chủ và ổn định. Nhật Bản là nơi chứng kiến những yếu tố trên được đẩy vào vòng xoáy quyền lực của các thế lực chính trị. Nó cũng góp phần khiến cho Nhà nước kiến tạo phát triển ở nơi đây phát sinh, tồn tại, thăng hoa và suy vong.

### **3. Vấn đề mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước ở Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ Nhà nước kiến tạo phát triển**

Ở Việt Nam, nỗ lực theo đuổi một mô hình kiến tạo phát triển tuy chưa được đề cập tới một cách rõ ràng nhưng một chủ thuyết phát triển dựa trên sự dẫn dắt của Nhà nước cũng phần nào thể hiện qua những gì mà chúng ta đã thực hiện nhiều năm trở lại đây (Mark Beeson, Hung Pham, 2012: 539-559). Từ sau khi thống nhất đất nước, mục tiêu phát triển kinh tế với sự định hướng và lãnh đạo toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam luôn được thể hiện một cách rõ rệt (Nguyễn Đức Luận, 2006). Ngay kể cả sau khi chúng ta từ bỏ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung với một nền kinh tế chỉ huy bởi Nhà nước thì sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế vẫn rất mạnh mẽ. Trong khi đó, hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển vốn nhấn mạnh vào vai trò của Nhà nước tỏ ra hữu hiệu và phần nào đó được ưa thích ở Việt Nam. Vì thế, chúng ta rất cần nhận thức sâu hơn về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước để có thể rút ra những bài học cần thiết cho việc lựa chọn theo đuổi hình mẫu này như thế nào. Để giải quyết được điều đó, trước tiên chúng ta cần có một cái nhìn tổng quan về tình hình đảng chính trị và mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước ở Việt Nam.

Hiến pháp 2013 khẳng định sự lãnh đạo và cầm quyền duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ đây gọi tắt là Đảng). Đây là kết quả của sự cân nhắc giữa nhiều luồng ý kiến và cũng là sự tiếp nối tư tưởng lập hiến trong một vài bản hiến pháp gần đây (Nguyễn Thị Việt Hương, 2014). Sự khẳng định này đã tạo nên một ưu thế tuyệt đối cho Đảng trong đời sống chính trị của đất nước. Chính vì thế, tổ chức này được coi là “hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị” (Trường Đại học Luật Hà Nội, 2018: 136). Giống như các đảng chính trị cầm quyền khác trên thế giới, sự lãnh đạo của Đảng cũng thể hiện qua những mặt như nhân sự và chính sách. Một mặt, Đảng đưa nhân sự của mình vào bộ máy nhà nước thông qua bầu cử, mặt khác, Đảng đề ra các chính sách và chuyển hóa

chúng thành pháp luật cũng như hành động của Nhà nước. Để thực hiện được sự lãnh đạo đó, Đảng được tổ chức một cách chặt chẽ, bài bản với nguyên tắc quan trọng nhất được ghi nhận tại Điều 9 của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hệ thống tổ chức Đảng được thiết lập ở khắp mọi nơi, trong đó có các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, địa bàn dân cư, doanh nghiệp... theo đúng nguyên tắc nơi đâu có đảng viên (từ 3 trở lên), nơi đấy có tổ chức Đảng. Đặc biệt, trong mối quan hệ với Nhà nước, sự lãnh đạo của Đảng được thực hiện một cách nghiêm ngặt khi các đảng viên công tác trong bộ máy nhà nước phải chấp hành đầy đủ những nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

Sự lãnh đạo của Đảng qua thời gian cũng có những thay đổi nhất định cả về nhận thức lẫn hành động. Trong giai đoạn trước, sự lãnh đạo của Đảng đôi khi quá cụ thể, trực tiếp, thậm chí “lấn sân” nhà nước. Vì vậy, ngay từ Đại hội III, năm 1960, Đảng đã thẳng thắn chỉ ra tình trạng: “... có những cấp ủy đảng bao biện làm thay, can thiệp vụn vặt vào công việc của cơ quan nhà nước. Có những cấp ủy và cán bộ, đảng viên coi thường chính quyền nhà nước, không nghiêm chỉnh chấp hành chỉ thị, nghị quyết của cơ quan chính quyền cấp trên” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2002: 713). Từ đó, Đại hội IV năm 1976, của Đảng yêu cầu: “Đảng viên và tổ chức đảng phải là người gương mẫu nhất trong việc chấp hành mọi quyết định của Nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1977: 100). Điều này đã được ghi nhận trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980 với quy định: “Các tổ chức của Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp”. Từ Đại hội VII đến Đại hội IX, Điều lệ Đảng đều thể hiện quan điểm Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, nhưng chưa khẳng định đó là một nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Đến Đại hội X, nhận thức của Đảng về vấn đề Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật có bước phát triển mới. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội X thông qua lần đầu tiên xác định: “Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật” là một trong các nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Như vậy, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là một quan điểm lớn, nhất quán của Đảng, đã được nêu lên và thực hiện, đến Đại hội X được phát triển thành một nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Đại hội XI của Đảng tiếp tục xác định Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật là một trong 5 nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng. Việc thiết lập một khuôn khổ hoạt động cho Đảng lãnh đạo là một bước phát triển về tư duy. Đó không phải là hạ thấp vai trò lãnh đạo của Đảng mà là một yêu cầu khách quan, vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, vừa giúp xây dựng Đảng vững mạnh, thật sự xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội (Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Đức Nhuận, 2013). Thật vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng được đổi mới theo hướng dân chủ và pháp quyền, nghĩa là Đảng tôn trọng các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội, tôn trọng Hiến pháp và pháp luật. Đảng lãnh đạo nhưng không áp đặt mà trên cơ sở dân chủ, phát huy dân chủ trong thảo luận, trao đổi nhằm tạo ra sự thống nhất chung (Lê Hữu Nghĩa, 2017). Đó là những nền tảng rất quan trọng để chúng ta nhìn nhận mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước trong trường hợp lựa chọn đi theo hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất, sự lãnh đạo lâu dài của Đảng Cộng sản Việt Nam là cơ sở thuận lợi cho việc theo đuổi hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển.*

Như đã thấy từ kinh nghiệm các nước Đông Á, sự cạnh tranh quyền lực trong giai đoạn đầu một đảng lên nắm quyền có thể gây ra những cản trở mà phải rất vất vả mới vượt qua được. Lý Quang Diệu với Đảng Nhân dân hành động (PAP) chính là một minh chứng cho điều này khi ông không được lòng cả Mỹ lẫn Malaysia trong cuộc bầu cử năm 1959 (Lý Quang Diệu, 2017: 316-335). Việc các lực lượng chính trị tiến lên nắm lấy vai trò điều hành quốc gia đôi khi phải được tiến hành qua những thủ đoạn chính trị phức tạp. Với Việt Nam, nền tảng tồn tại lâu dài từ năm 1930, chính thức bước vào chính quyền từ năm 1945, và trở thành đảng phái chính trị duy nhất từ năm 1988,

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo nên một nền tảng lãnh đạo ổn định và dài lâu. Điều này phần nào phản ánh vị thế chính trị và niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Vì thế, các chính sách mang màu sắc “kiến tạo phát triển” nếu được áp dụng và cụ thể hóa trong hoạt động của nhà nước thì chắc hẳn chúng sẽ nhận được những sự ủng hộ nhất định từ người dân. Một trong những đặc trưng cần thiết của Nhà nước kiến tạo phát triển là sự ổn định về chính sách mà nền tảng là tính thống nhất trong quan điểm chính trị cho sự hình thành nên chính sách đó. Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng trong nhiều năm qua đã tạo nên một nền móng là tính đồng thuận cao trong xã hội trước mọi quyết sách của Đảng. Bản thân Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo đã nhiều lần thi hành những chính sách mang tính can thiệp tới xã hội và dù sao cũng không nhận phải quá nhiều sự phản ứng to lớn. Điều này cũng gắn liền với những đặc điểm văn hóa của con người Việt Nam. Những đặc tính đó đã được học giả Đào Duy Anh tổng kết: “Về tính chất tinh thần thì người Việt Nam đại khái thông minh, nhưng xưa nay thấy ít người có trí tuệ lỗi lạc phi thường. Súc kí ức thì phát đạt lắm mà giàu trí nghệ thuật hơn trí khoa học, giàu trực giác hơn luận lí. Phần nhiều người có tính ham học. Song thích văn chương phù hoa hơn thực học, thích thành sáo và hình thức hơn tư tưởng hoạt động... Người Việt Nam lại rất trọng lễ giáo song cũng có não tinh vặt, hay bài bác chế nhạo” (Đào Duy Anh, 1992: 24). Tuy có nhiều đặc tính như vậy, nhưng tựu chung lại, đặc tính con người Việt Nam là “tính trung dung, chiết trung, vừa phải” (Hồ Bá Thâm, 2012: 34). Đây cũng có thể coi là nền tảng văn hóa cho việc những chính sách can thiệp có phần mạnh mẽ của nhà nước dễ được người dân chấp nhận. Điều này cùng với tinh thần dân tộc coi trọng lợi ích đất nước lên trên hết sẽ là cơ sở cho Đảng thực hiện và duy trì những chính sách theo hình mẫu Nhà nước kiến tạo phát triển.

*Thứ hai, ý thức hệ của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự dung hòa với chủ nghĩa phát triển.*

Nền tảng tư tưởng của Nhà nước kiến tạo phát triển là chủ nghĩa phát triển (developmentalism) với nội dung hướng tới các nước có nền kinh tế ở trình độ thấp cần một mô hình kinh tế khác với các mô hình cổ điển để tiến tới bắt kịp các nước đã công nghiệp hóa lâu đời (Đào Thế Tuấn, 1992). Trong khi đó, Đảng Cộng sản Việt Nam theo quan điểm của chủ nghĩa cộng sản do Mác và Lê-nin xây dựng. Ý thức hệ là một yếu tố mang tính cốt lõi và sống còn của Đảng gắn với bản chất là sự mệnh của mình. Hiện nay, chúng ta đang hướng tới xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò quản lý nhà nước (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2006: 53). Điều đó có ý nghĩa ở các điểm sau: Đảng tiếp tục khẳng định vai trò của nhà nước trong quản lý kinh tế và đề cao việc tăng cường vai trò này. Vì vậy, mặc dù chúng ta đang theo đuổi một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó mục tiêu tiến lên xã hội chủ nghĩa là không thể thay thế; thì việc học tập những điển hình thành công trong sự phát triển của các nước Đông Á là điều có thể chấp nhận được. Đặc biệt là ở chỗ, chúng ta cần phải xác định rõ từ phương thức, đối tượng đến cách làm cụ thể để Nhà nước có thể phát huy vai trò tốt nhất của mình. Việc từ bỏ mô hình kế hoạch hóa tập trung bao cấp tới mô hình chính phủ kiến tạo, hành động chính là một sự chuyển biến cần thiết ngay từ cách tiếp cận của Nhà nước ta về mối quan hệ với nền kinh tế. Trong thời gian tới, việc học tập các mô hình phát triển Đông Á còn đòi hỏi nghiên cứu kỹ lưỡng hơn về từng yếu tố tạo nên thành công của các nước này.

*Thứ ba, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa hài hòa với quá trình phát triển kinh tế.*

Như đã chỉ ra, việc duy trì một hình mẫu phát triển như các nước Đông Á có thể dẫn tới tình trạng chuyên chế và kéo theo đó là dân chủ bị ảnh hưởng. Điều này không chỉ đến từ sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế mà còn đến từ những hệ lụy xã hội mà quá trình phát triển tạo ra. Trong khi đó, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là một trong những thành quả mà Đảng luôn tin tưởng, bồi đắp và tạo dựng. Việc Nghị quyết Đại hội X của Đảng đưa cụm từ *dân chủ* lên trước cụm từ *công bằng, văn minh*

đã cho thấy Đảng ta đã xác định rõ vị trí của dân chủ và thực hành dân chủ trong quá trình phát triển xã hội (Nguyễn Quốc Sửu, 2016). Do đó, chúng ta có thể phân nào loại trừ được nguy cơ mất dân chủ như đã xảy ra ở một số nước theo hình mẫu kiến tạo phát triển bởi vấn đề này luôn luôn được Đảng quan tâm một cách sát sao. Để có thể đảm bảo được điều đó, yếu tố cần thiết nhất là phải giữ vững được sự tập trung, thống nhất trong nội bộ Đảng. Thực tế các nước cho thấy, việc mâu thuẫn trong nội bộ của lực lượng cầm quyền đã kéo theo các thế lực tranh giành nhau và áp đặt sự cai trị ngày một chuyên chế. Trong khi đó, sự tập trung, thống nhất lại là một vốn quý của các đảng theo đường lối cộng sản. Lê-nin đã nói, “trong cuộc đấu tranh giành chính quyền, giai cấp vô sản không có vũ khí nào khác hơn là tổ chức” (V.I.Lê-nin, I.V.Xta-lin, 1974: 41). Điều đó có nghĩa rằng sức mạnh của đảng đại diện cho giai cấp công nhân đến từ việc nó được tổ chức hoàn bị và không bị rơi vào phân chia, tranh giành, vô chính phủ. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng chính là cơ sở để bảo vệ dân chủ trong xã hội nếu chúng ta đi theo con đường của các Nhà nước kiến tạo phát triển. Dân chủ ở đây là một phạm trù đa diện, với những mối liên hệ tới các lĩnh vực khác như kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, tựu chung lại, đảm bảo dân chủ sẽ là điều khiến Đảng giữ vững được uy tín cũng như hình ảnh trước nhân dân, qua đó tiếp tục duy trì sự lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội.

#### 4. Kết luận

Tóm lại, ở Việt Nam, mô hình chính trị có rất nhiều đặc thù về mối liên hệ giữa Nhà nước và nền kinh tế. Một định hướng nhắm tới Nhà nước kiến tạo phát triển chắc chắn sẽ đặt ra nhiều vấn đề phải cân nhắc. Trong những vấn đề đó, có những yếu tố tiên quyết giúp hình mẫu này có thể được áp dụng dễ dàng ở Việt Nam, nhưng bên cạnh vẫn có những yếu tố khiến chúng ta phải sẵn sàng điều chỉnh nhằm giữ mối liên hệ giữa Đảng với Nhà nước giữ được đúng bản chất và mục đích tốt đẹp của nó. Những kinh nghiệm của các nhà nước Đông Á cho thấy vai trò của một đảng chính trị cầm quyền lâu dài có ý nghĩa rất lớn cho sự phát triển trên cơ sở duy trì ổn định. Bên cạnh đó là bài học về việc duy trì dân chủ, tránh nạn quan liêu cũng cần hết sức quan tâm để tránh tạo ra những trở lực đối với sự phát triển của đất nước.

Ở Việt Nam, vấn đề Nhà nước kiến tạo đã được quan tâm nghiên cứu trong thời gian qua. Chúng ta có một thể chế chính trị tương đối phù hợp với mô hình này với nền tảng là sự lãnh đạo của Đảng và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được củng cố suốt nhiều năm nay. Vấn đề là sau khi Đổi mới, chúng ta đang cần học hỏi những kinh nghiệm về việc phát huy vai trò của Nhà nước, tránh tình trạng bao cấp, ôm đồm như đã xảy ra trong thời gian trước đây. Trong bối cảnh đó, bài học của Nhật Bản chính là một hình mẫu cần thiết đối với Việt Nam.

#### Tài liệu tham khảo

Adrian Leftwich.(2012). Bringing politics back in: Towards a model of the developmental state. *The Journal of Development Studies*, Volume 31. 1995 – Issue 3. UNDP, *Democratization in a Developmental state: The case of Ethiopia – Issues, Challenges and Prospects*.

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Chalmers Johnson. (1985). *Political Institutions and Economic Performance: The Government-Business Relationship in Japan, South Korea, and Taiwan*. in *Asian economic development: Present and future*. Cornell University Press.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (1977). *Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng* (tại Đại hội IV). Nxb. Sự thật.

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2002). *Văn kiện Đảng toàn tập*. t.21. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

Đào Duy Anh. (1992). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.

Đào Thế Tuấn. (1992). Các lý thuyết về phát triển. *Xã hội học*. Số 1.

- Edward Webb. (2011). *Totalitarianism and Authoritarianism*. trích trong John T. Ishiyama and Marijke Breuning, *21st Century Political Science, A Reference Handbook*. Thousand Oaks, CA: SAGE Publications.
- Hồ Bá Thâm. (2012). *Văn hóa và bản sắc văn hóa dân tộc*. Nxb. Văn hóa thông tin.
- Hồ Việt Hạnh. (2009). Đảng đổi lập kiểm soát chính quyền - Tình huống chính trị đặc biệt của Nhật Bản. *Nghiên cứu Đông Bắc Á*. Số 9.
- John W. Masland. (1947). *Post-War Government and Politics of Japan*. The Journal of Politics. Vol. 9. No. 4.
- Lê Hữu Nghĩa. (14/9/2017). Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ở nước ta trong tình hình mới. *Tạp chí Cộng sản*. [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM110995](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM110995)
- Lý Quang Diệu. (2017). *Hồi ký, t.1: Câu chuyện Singapore*. Nxb. Thế giới.
- Mark Beeson, Hung Hung Pham. (2012). Developmentalism with Vietnamese Characteristics: The Persistence of State-led Development in East Asia. *Journal of Contemporary Asia*. Vol. 42. No. 4.
- Michio Muramatsu, Ellis S. Krauss. (1987). *The Conservative Policy Line and the Development of Patterned Pluralism*. "The Conservative Policy Line and the Development of Patterned Pluralism" in Kozo Yamamura and Yasukichi Yasuba (eds.). *The Political Economy of Japan*, Stanford, Calif.: Stanford University Press.
- Nasir Tyabji. (1984). Reviewed Work: MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-75 by Chalmers Johnson. *Social Scientist*. Vol. 12, No. 4.
- Nguyễn Đức Luận. (2005). Đường lối kinh tế của Đảng từ khi đất nước hoàn toàn giải phóng đến nay (1975-2005). Hội thảo Khoa học Quốc gia: *Việt Nam những chặng đường lịch sử: 1954-1975, 1975-2005*. Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. Nxb. Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Quốc Sứ. (2016). Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng. *Tạp chí Cộng sản*. Số 9.
- Nguyễn Thị Việt Hương. (2016). Những nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013 về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và định hướng triển khai. Kỳ yếu hội thảo khoa học: *Kết quả và vấn đề triển khai thi hành Hiến pháp sửa đổi năm 2013*. Viện Nhà nước và Pháp luật. Hà Nội.
- Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Đức Nhuận. (2013). Về nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. *Lý luận chính trị*. Số 3.
- Peter B. Evans. (1989). Predatory, Developmental, and Other Apparatuses: A Comparative Political Economy Perspective on the Third World State. *Sociological Forum*. Vol. 4. No. 4.
- Phùng Danh Cường, Hoàng Thị Kim Oanh. (2018). Tính đặc thù của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. *Lý luận chính trị*. Số 6.
- Trường Đại học Luật Hà Nội. (2018). *Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam*. Nxb. Tư pháp.
- V.I.Lê-nin, I.V.Xta-lin. (1974). *Về dân chủ và kỷ luật trong Đảng*. Nxb. Sự thật.
- William Mass, Hideaki Miyajima. *The Organization of the Developmental State: Fostering Private Capabilities and the Roots of the Japanese "Miracle"*. Business and economic history. Volume Twenty-two, No. 1, Fall 1993.